Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9031.80.90

Mã HS	9031.80.90
Mô tả hàng hóa	Máy, thiết bị và dụng cụ đo lường hoặc kiểm tra, chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác trong Chương này; máy chiếu biên dạng / - Dụng cụ, thiết bị và máy khác: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	08/11/2026 12:30:02
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/90318090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18245
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18245
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18245
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17572
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17501
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17501
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17501
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17501
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17501
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17501
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17557
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17557

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17557
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17557
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17557
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17557
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17558
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17558
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17558
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17558
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17558
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17558
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17563
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17519
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17515
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17515
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17515
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17515
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17515
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17515
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17561
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17561
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17561
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17561
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17561
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17561
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17623
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17623

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17623
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17623
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17623
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17623
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17599
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17599
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17599
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17599
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17599
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17599
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17594
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17594
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17594
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17594
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17594
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17594
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17624
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17624
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17624
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17624
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17624
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17624
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17623
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17623
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17623
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17623

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17623
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17623
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17717
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17717
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17717
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17717
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17717
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17717
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17717
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17586
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17586
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17586
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17586
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17586
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17586
RCEP B	2022	2022	0	B!D17586
RCEP B	2023	2023	0	B!E17586
RCEP B	2024	2024	0	B!F17586
RCEP B	2025	2025	0	B!G17586
RCEP B	2026	2026	0	B!H17586
RCEP B	2027	2027	0	B!I17586
RCEP C	2022	2022	0	C!D17584
RCEP C	2023	2023	0	C!E17584
RCEP C	2024	2024	0	C!F17584
RCEP C	2025	2025	0	C!G17584
RCEP C	2026	2026	0	C!H17584

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17584
RCEP D	2022	2022	0	D!D17583
RCEP D	2023	2023	0	D!E17583
RCEP D	2024	2024	0	D!F17583
RCEP D	2025	2025	0	D!G17583
RCEP D	2026	2026	0	D!H17583
RCEP D	2027	2027	0	D!I17583
RCEP E	2022	2022	0	E!D17587
RCEP E	2023	2023	0	E!E17587
RCEP E	2024	2024	0	E!F17587
RCEP E	2025	2025	0	E!G17587
RCEP E	2026	2026	0	E!H17587
RCEP E	2027	2027	0	E!I17587
RCEP F	2022	2022	0	F!D17586
RCEP F	2023	2023	0	F!E17586
RCEP F	2024	2024	0	F!F17586
RCEP F	2025	2025	0	F!G17586
RCEP F	2026	2026	0	F!H17586
RCEP F	2027	2027	0	F!I17586
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16487
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16487
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16487
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16487

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9031.80 có 2 dòng thuế; dòng 9031.80.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9031.80.10 Thiết bị kiểm tra cáp	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9031.80.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9031.80.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18245), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.